

Bản án số: 50 /2023/DS– PT
Ngày: 06/6/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chịu.

Các Thẩm Phán: + Ông Lê Trúc Lâm.

+ Bà Vũ Ngọc Hà.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Việt Triều –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLPT-DS ngày 14/02/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2022/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXX- PT ngày 28/4/2023, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 17/5/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1958; Cư trú tại: khu phố B, phường P, thành phố T, Phú Yên; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Cao Ngọc Q, sinh năm 1978; Cư trú tại: thôn Ngọc L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1950; ông Nguyễn Ngọc H sinh năm 1984; Cùng cư trú tại: khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày: Ngày 15/9/2018, bà Trần Thị X với ông Cao Ngọc Q đã thoả thuận và lập hợp đồng thi công xây dựng nhà ở tọa lạc số: 11/142 đường N, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN 950218, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 08/8/2018 đứng tên bà Trần Thị X. Trong thời gian thi công xây dựng, ông Q thực hiện không đúng theo thiết kế bản vẽ, vi phạm điều khoản thoả thuận của hai bên đã ký kết trong hợp đồng, có những sai sót, hư hỏng theo Kết luận giám định như: Dưới đà kiềng trục C không xây móng đá chẻ trên lớp lót đá 4x6; Cầu thang lên tầng 2 và tầng 3 kích thước hình học phần chân và phần đỉnh không đều nhau phần bản thang bê tông cốt thép và bậc thang; Trụ bê tông cốt thép trục 1/B tầng 1 phần chân trụ có dấu hiệu bị đục làm lộ thép chịu lực và thép đai, tình trạng thép bị gỉ sét; 02 trụ cổng trước nhà kích thước, tiết diện không đều nhau, xây bị nghiêng; Cột trục 1B đoạn cột từ

tầng 1 lên đến đáy sàn tầng 2 phần đỉnh cột bị nghiêng về phía trục A so với chân cột; Cột trục 2B đoạn cột từ tầng 1 lên đến đáy sàn tầng 2 phần đỉnh cột bị nghiêng về phía trục A so với chân cột; Cột trục 2B đoạn từ tầng 1 lên đến đáy sàn tầng 2 phần đỉnh cột bị nghiêng về phía trục 1 so với chân cột; Phần góc giao giữa tường trục 1 và trục E phần đỉnh mái bị nghiêng về phía ngoài trục E (thực tế nghiêng về phía trục 2); Cột trục 2C tầng 2 (hiện trạng công trình là tầng lửng) nghiêng về phía trục B; chiều rộng cạnh cột phần chân cột và phần đỉnh cột theo phương dọc nhà lệch nhau; Cột trục 1C tầng 2 (hiện trạng công trình là tầng lửng) nghiêng về phía trục B so với chân cột và chiều rộng cạnh có vệt phần chân cột và phần đỉnh cột theo phương dọc nhà lệch nhau; Tường trục 1 đoạn từ trục B đến trục C (tầng 1) có vết nứt xiên vị trí (xuất phát từ cột trục 1B đến đà kiềng; Tường ngăn giữa trục C và trục D tầng 3 (hiện trạng công trình là tầng 2) có vết nứt ngang chân tường; Dầm từ cột trục C/1 đến trục C/2 (tầng 3) chênh lệch cao độ (phần đáy dầm) giữa hai đầu dầm; Chiều ngang phần mặt tiền nhà giữa các tầng không đều nhau (kích thước bên dưới lớn hơn trên). Do đó, bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Cao Ngọc Q phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà để xây dựng lại theo đúng thiết kế và bồi thường 54 bao xi măng bị hư hỏng. Sau khi xây dựng lại nhà hoàn chỉnh thì bà mới chấp nhận trả khoản tiền công trước đây chưa thanh toán cho ông Q khoảng 80.000.000 đồng.

Bị đơn ông Cao Ngọc Q trình bày: Giữa ông Q với bà Trần Thị X thỏa thuận, ký kết hợp đồng thi công xây dựng nhà ở. Trong quá trình thi công, gia đình bà X trực tiếp theo dõi, giám sát thi công và yêu cầu thay đổi thiết kế công trình theo ý của gia đình bà X. Ông Q thừa nhận trong quá trình thi công có một số sai sót nhưng chỉ số chênh lệch đều nằm trong phạm vi xây dựng cho phép. Sau khi hai bên xảy ra mâu thuẫn, gia đình bà X đã buộc ông Q cùng nhóm thợ phải nghỉ làm để thanh toán tiền công xây dựng nhưng bà X không thanh toán. Nay bà X yêu cầu ông đập nhà để xây lại thì ông không đồng ý. Ông Q phản tố: Căn cứ vào diện tích xây dựng thực tế ông đã làm và theo kết quả đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần giá trị tiền công ông đã thực hiện là 185.695.400 đồng, trừ phần diện tích ông chưa tô trát có giá trị tiền công 21.640.000 đồng và trừ khoản tiền ông Q đã nhận tạm ứng trước đó 70.000.000 đồng, còn lại bà X phải trả cho ông Q 94.055.400 đồng. Ông Q không chấp nhận yêu cầu của bà X về sửa chữa hoặc tháo dỡ toàn bộ nhà để xây lại. Ông Q chỉ thống nhất trừ lại số tiền 15.000.000 đồng để bà X kêu thợ khác đến sửa chữa. Về phần đục tường để tô do móng bị lòi ra nên thợ phải đục, tráy các vị trí lòi để tô cho thẳng, bà X không đồng ý cho thợ nghỉ và sau đó bà X kêu lại khắc phục; sau khi khắc phục xong, bà X tự xịt nước cạo vữa hồ ra ngay vị trí đục đã tô. Đối với vị trí không xây đá chẻ nhưng vẫn có xây gờ đỡ trong kết cấu xây dựng cho phép, lúc này có ông X chồng bà X đang theo dõi thợ thi công nhưng không ý kiến gì. Riêng yêu cầu của bà X buộc ông Q phải bồi thường 54 bao xi măng thì ông Q đồng ý, tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông X với ông H đều thống nhất như lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà X và buộc ông Q phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà để xây lại, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2022/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X.

Buộc bị đơn ông Cao Ngọc Q phải bồi thường tiền khắc phục, sửa chữa các sai sót, hư hỏng đối với công trình nhà ở tại số 11/142 N, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho nguyên đơn bà Trần Thị X số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, bị đơn ông Cao Ngọc Q phải bồi thường giá trị 54 bao xi măng cho nguyên đơn bà Trần Thị X là 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Cao Ngọc Q.

Buộc nguyên đơn bà Trần Thị X phải thanh toán khoản tiền theo hợp đồng thi công xây dựng nhà ở cho bị đơn ông Cao Ngọc Q là 94.055.400 (Chín mươi bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; các chi phí về xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn bà X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận bản án sơ thẩm, theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Q giữ nguyên lời trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng trước khi mở phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện xin rút lại yêu cầu đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận và tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng thi công” thuộc

trường hợp tranh chấp Hợp đồng dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có yêu cầu phản tố đòi tiền công lao động, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị X, với nội dung yêu cầu ông Cao Ngọc Q phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà để xây dựng lại theo đúng thiết kế và bồi thường 54 bao xi măng bị hư hỏng. Sau khi xây dựng lại nhà hoàn chỉnh thì bà mới chấp nhận trả khoản tiền công trước đây chưa thanh toán cho ông Q, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 15/9/2018, giữa bà Trần Thị X với ông Cao Ngọc Q thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở tại số 11/142 N, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Trong quá trình thi công xây dựng nhà ở cho nguyên đơn, bị đơn ông Cao Ngọc Q đã thi công có một số sai sót và hư hỏng theo Kết quả giám định của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên (Kết luận giám định Tư pháp xây dựng số: 58/BC-TTGD ngày 31/12/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên, thể hiện từ bút lục số: 279 đến bút lục số: 316) là Sai lệch không đáng kể, trong phạm vi cho phép. Tuy nhiên, việc thi công không đúng thiết kế, không đảm bảo chất lượng công trình của bị đơn đã vi phạm vào khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thi công và Điều 113 Luật Xây dựng năm 2014. Nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải sửa chữa là có căn cứ.

[3] Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ công trình để xây lại mới là không có cơ sở vì trong quá trình thi công, gia đình nguyên đơn vẫn trực tiếp theo dõi, giám sát hằng ngày. Trong đó có một số hạng mục sai sót nằm trong phạm vi cho phép, không ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng công trình nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn phải thực hiện việc khắc phục, sửa chữa nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bị đơn không thể thực hiện được mà chỉ đồng ý bồi thường bằng tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần buộc bị đơn bồi thường một khoản tiền để khắc phục, sửa chữa cho nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường 54 bao xi măng trị giá 5.400.000 đồng bị đơn đồng ý bồi thường nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có cơ sở.

[5] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn phải trả 94.055.400 đồng tiền công xây dựng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở ngày 15/9/2018 thì trách nhiệm của bên B nếu làm sai, làm hỏng phải làm lại không tính tiền công và phải bồi hoàn vật liệu. Như vậy, đối với các sai sót, hư hỏng nêu trên thì bị đơn đã chịu trách nhiệm bồi thường bằng tiền để khắc phục, sửa chữa. Riêng phần diện tích bị đơn đã thi công hoàn thiện thì nguyên đơn phải trả tiền công, phải thanh toán cho bị đơn, cụ thể: Sàn bê tông cốt thép ($202,862\text{m}^2 \times 700.000\text{đồng/m}^2 = 142.003.400\text{đồng}$); mái tôn cấp 4 ($72,82\text{m}^2 \times 600.000\text{đồng/m}^2 = 43.692.000\text{đồng}$); tổng cộng 185.695.400 đồng, trừ phần diện tích dầm, sàn, trụ, tường bị đơn chưa hoàn thành tô trát là 21.640.109 đồng (làm tròn 21.640.000 đồng), gồm: Dầm ($13,45\text{m}^2 \times 95.166\text{đồng/m}^2 = 1.279.982\text{đồng}$); sàn ($57,31\text{m}^2 \times 134.209\text{đồng/m}^2 = 7.691.517\text{đồng}$); trụ ($3,28\text{m}^2 \times 126.888\text{đồng/m}^2 = 416.192\text{đồng}$); tường ($251,06\text{m}^2 \times 48.803\text{đồng/m}^2 = 12.252.481\text{đồng}$) và trừ khoản tiền 70.000.000 đồng bị đơn đã tạm

ứng trước thì nguyên đơn còn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 94.055.400 đồng. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở và tại cấp phúc thẩm người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào mới. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị X, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Trần Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 147, 157, 161, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 385, 398, 401 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 112, 113 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị X. Buộc bị đơn ông Cao Ngọc Q phải bồi thường tiền khắc phục, sửa chữa các sai sót, hư hỏng đối với công trình nhà ở tại số 11/142 N, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho nguyên đơn bà Trần Thị X số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bị đơn ông Cao Ngọc Q phải bồi thường giá trị 54 bao xi măng cho nguyên đơn bà Trần Thị X là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Cao Ngọc Q. Buộc nguyên đơn bà Trần Thị X phải thanh toán khoản tiền theo hợp đồng thi công xây dựng nhà ở cho bị đơn ông Cao Ngọc Q là 94.055.400 đồng (Chín mươi bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

3. Về án phí:

Nguyên đơn bà Trần Thị X phải chịu 4.703.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu không được chấp nhận và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0012213 ngày 14/02/2019 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007872 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T nên còn phải nộp 4.403.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm lẻ ba nghìn đồng).

Bị đơn ông Cao Ngọc Q phải chịu 1.770.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 2.899.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0015010 ngày 13/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố T nên hoàn lại cho bị đơn 1.129.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

4. Về chi phí định giá tài sản, chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bị đơn ông Cao Ngọc Q phải chịu chi phí định giá tài sản 2.000.000 đồng, chi phí giám định 24.000.000 đồng, tổng cộng 26.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Trần Thị X đã nộp tạm ứng đủ 26.000.000 đồng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Nguyên đơn bà Trần Thị X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND TP Tuy Hòa;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- Lưu: HSVA.

Ngô Chịu